TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7-TÂY NINH** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 116/2025/DS-ST
Ngày: 18/12/2025
V/v Tranh chấp hợp đồng dịch vụ xây dựng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7- TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Minh Lý;

2. Ông Nguyễn Công Danh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Tuấn Anh, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7- Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7- Tây Ninh *tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Trần Hoàng Phú- Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7-Tây Ninh, Toà án nhân dân khu vực 7- Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 26/2025/TLST-DS ngày 03 tháng 10 năm 2025 về "Tranh chấp hợp đồng dịch vụ xây dựng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 124/2025/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 10 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Võ Văn T, sinh năm: 1976, cư trú: Ấp B, xã T, tỉnh Đồng Tháp. (có mặt)

2. Bị đơn:

2.1. Ông Chung Văn C, sinh năm: 1970; (vắng mặt)

2.2. Bà Trương Thị P, sinh năm: 1984. (vắng mặt)

Cùng cư trú: Ấp K, xã M, tỉnh Tây Ninh.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Hồ Thị T1, sinh năm: 1980, cư trú: Ấp B, xã T, tỉnh Đồng Tháp. (vắng mặt)

4. Người làm chứng:

4.1. Ông Hồ Văn Đ, sinh năm: 1974, cư trú: Ấp B, xã T, tỉnh Đồng Tháp. (vắng mặt)

4.2. Ông Nguyễn Văn T2, sinh năm: 1985, cư trú: Ấp A, xã T, tỉnh Đồng Tháp. (vắng mặt)

4.3. Ông Nguyễn Văn N, sinh năm: 1987, cư trú: Ấp A, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

(vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Võ Văn T trình bày:

Ông Võ Văn T là chủ thầu xây dựng. Ngày 09/10/2022 âm lịch, ông T có thuê thợ xây khởi công căn nhà cấp 4 mái T3 tại ấp C, xã K, huyện G, tỉnh Tiền Giang cho vợ chồng ông C, bà P. Đến ngày 27/12/2022 âm lịch, ngôi nhà được xây xong, ông T tiến hành bàn giao nhà cho ông C, bà P. Hai bên ông T và vợ chồng ông C, bà P đối chiếu công nợ. Tổng số tiền công thợ để xây ngôi nhà này là khoảng 670.000.000 đồng.

Trong quá trình xây nhà, 02 tuần ông T trả tiền công thợ một lần nên ông C, bà P nhiều lần thanh toán cho ông T để ông T trả lại cho thợ. Tính đến ngày bàn giao nhà thì ông C, bà P đã trả cho ông T tổng cộng số tiền 570.000.000 đồng và còn nợ lại 105.000.000 đồng. Ông T có giảm tiền cho ông C, bà P 5.000.000 đồng. Số tiền 100.000.000 đồng ông C, bà P hứa đến tháng 4/2023 âm lịch sẽ trả. Đến ngày 10/12/2023 âm lịch, ông T đến nhà ông C, bà P, yêu cầu viết giấy nợ chính là giấy hẹn nợ mà ông T nộp tại Tòa án.

Ông C, bà P hẹn đến ngày 28/12/2023 âm lịch sẽ trả trước 20.000.000 đồng, số nợ còn lại 80.000.000 đồng thì ông C, bà P hứa đến ngày 15/3/2024 sẽ trả tất nợ. Hiện tại, ông C, bà P không trả nợ cho ông Võ Văn T.

Bị đơn ông Chung Văn C, bà Trương Thị P đã được Tòa án tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; và các văn bản tố tụng khác hợp lệ, cũng như triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai, nhưng bị đơn đều vắng mặt không có lý do. Bị đơn không có gửi cho Tòa án văn bản thể hiện ý kiến của mình qua yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hồ Thị T1 trình bày thống nhất toàn bộ yêu cầu khởi kiện và ý kiến của ông Võ Văn T.

Người làm chứng ông Hồ Văn Đ, ông Nguyễn Văn T2, ông Nguyễn Văn N thống nhất trình bày: Vào khoảng tháng 10/2022 âm lịch, các ông có xây nhà cho vợ chồng ông C, do ông T là chủ thầu. Trong đó, ông T2 và ông Nghĩa L thợ xây, còn ông Đ là thợ phụ hồ. Quá trình xây nhà thì vợ chồng ông C chậm trả tiền xây cho ông T nên ông T cũng chậm trả tiền cho thợ xây và phụ hồ nên các ông nhỡ rõ thời điểm khởi công và đến gần Tết nguyên đán của năm 2023 thì ngưng, dự đến ăn Tết xong sẽ hoàn tất sân và hàng rào đang làm dang dỡ. Tuy nhiên, ăn Tết xong thì ông T cho biết vợ chồng ông C chưa thanh toán hết tiền xây nhà, ông T phải chạy tiền trả cho các ông nên ông T ngưng không xây tiếp sân và hàng rào cho vợ chồng ông C như dự định trước Tết. Khi xây nhà, vợ chồng ông C, bà P đều trực tiếp có mặt và trông coi.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng các đương sự không tiến hành hòa giải được về việc giải quyết toàn bộ vụ án nên quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên toà:

Thời điểm lập giấy nhận nợ, ông T không biết chính xác bà P tên là Nguyễn Thị P1 hay Trương Thị P, chỉ biết bà P là vợ của ông Chung Văn C. Khi nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang (cũ), thông qua kết quả xác minh của Công an xã K, huyện G thì ông biết chính xác vợ ông C1 tên là Trương Thị P. Ông Võ Văn T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, buộc bà Trương Thị P, ông Chung Văn C liên đới trả cho ông Võ Văn T số tiền còn nợ là 100.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7-Tây Ninh phát biểu ý kiến:

Trong quá trình thụ lý vụ án cũng như giải quyết vụ án, Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ trình tự tố tụng được pháp luật quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản pháp luật hướng dẫn có liên quan. Việc chấp hành pháp luật của các người tham gia tố tụng là đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Theo Giấy hẹn nợ ngày 28/01/2024 thể hiện bà Nguyễn Thị P1 và ông Chung Văn C thiếu ông T số tiền 100.000.000 đồng và 28 tháng chạp trả 20.000.000 đồng, số còn lại là 80.000.000 đồng thì 15 tháng 3 thanh toán. Phía dưới Giấy hẹn nợ ngày 28/01/2024 có chữ kí xác nhận của ông C. Tuy nhiên, đã quá thời hạn trả tiền như đã thỏa thuận nhưng phía ông C và bà P1 vẫn chưa thanh toán tiền cho ông T. Do ông C và bà P1 vi phạm nghĩa vụ trả tiền cho nên ông T khởi kiện yêu cầu trả tiền công xây nhà còn nợ 100.000.000 đồng là có căn cứ để chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đương sự chịu án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1. Về tố tụng:

[1.1] Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn, xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp hợp đồng dịch vụ xây dựng, và nơi cư trú bị đơn ở xã M, tỉnh Tây Ninh. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7- Tây Ninh theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật số 85/2025/QH15 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại tòa án;

[1.2] Bà Trương Thị P, ông Chung Văn C đã triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vắng mặt. Bà Hồ Thị T1 có văn bản xin vắng mặt. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[2]. Nội dung vụ án:

Ông Võ Văn T cho rằng vợ chồng ông C, bà P trả tiền nợ hợp đồng thi công là 100.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi; cung cấp giấy nợ viết tay đề ngày 28/01/2024.

[2.1] Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt dù đã được triệu tập hợp lệ nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Khoản 4 Điều 91 và Điều 108 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì bị đơn đã tự tước bỏ quyền được chứng minh, trình bày ý kiến của mình và phải chịu hậu quả của việc vắng mặt, do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận lời khai và tài liệu

chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cũng như những chứng cứ đã thu thập trong hồ sơ để làm cơ sở giải quyết vụ án.

[2.2] Hiệu lực của Hợp đồng dịch vụ xây dựng: Thỏa thuận hợp đồng dịch vụ xây dựng được xác lập giữa các chủ thể có năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự; chủ thể hoàn toàn tự nguyện, mục đích và nội dung của giao dịch dân sự không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên phát sinh hiệu lực giữa các bên. Bị đơn không cung cấp chứng cứ chứng minh qua yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Hội đồng xét xử căn cứ vào nội dung văn bản giấy nợ viết tay đề ngày 28/01/2024 thể hiện "*Tên người nợ: Nguyễn Thị P1, Chung Văn C, tên chủ nợ: Triêu, số tiền thiếu là 100.000.000 đồng". Ngày 28 tháng chạp trả 20.000.000 đồng, số còn lại 80.000.000 đồng ngày 15 tháng 3 thanh toán".* Lời trình bày của ông T phù hợp với giấy nhận nợ, phù hợp với lời khai của người làm chứng là ông Hồ Văn Đ, ông Nguyễn Văn T2, ông Nguyễn Văn N.

[2.3] Thời điểm lập giấy nhận nợ, ông T không biết chính xác bà P1 tên là Nguyễn Thị P1 hay Trương Thị P, chỉ biết bà P là vợ của ông Chung Văn C. Kết quả xác minh của Công an xã K, huyện G, tỉnh Tiền Giang (cũ) và Công an xã M, huyện C, tỉnh Long An (cũ), đều xác định bà Trương Thị P, sinh năm: 1984 là vợ ông Chung Văn C, bà P, ông C cùng nơi cư trú.

[2.4] Do đó Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự, có cơ sở để xác định ông Võ Văn T là chủ thầu xây dựng, nhận thi công căn nhà cho vợ chồng ông C, bà P. Trong quá trình xây dựng nhà, ông C, bà P cùng tham gia giám sát, quản lý quá trình thi công. Ngày 27/12/2022 âm lịch, ông T hoàn thành và bàn giao công trình cho vợ chồng ông C, bà P. Ông C, bà P có nợ ông T số tiền công là 100.000.000 đồng. Khoản nợ thanh toán còn thiếu là 100.000.000 đồng được coi là vì nhu cầu thiết yếu theo quy định khoản 20 Điều 3 Luật Hôn nhân gia đình: *"Nhu cầu thiết yếu là nhu cầu sinh hoạt thông thường về ăn, mặc, ở, học tập, khám bệnh, chữa bệnh và nhu cầu sinh hoạt thông thường khác không thể thiếu trong cuộc sống mỗi người, mỗi gia đình".* Hiện khoản tiền công đã quá hạn, Hội đồng xét xử buộc vợ chồng ông Chung Văn C, bà Trương Thị P liên đới trả cho ông Võ Văn T số tiền 100.000.000 đồng.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông C, bà P liên đới chịu án phí 5.000.000 đồng. Trả lại cho ông Võ Văn T tiền tạm ứng án phí 2.500.000 đồng theo biên lai số 0013719 ngày 05/11/2024 của Cơ quan thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Tiền Giang (cũ).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 3 Điều 26; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 91, các Điều 227; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Luật số 85/2025/QH15 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại tòa án;

Áp dụng Điều 357, Điều 468, Điều 401, Điều 513 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn T về tranh chấp hợp đồng dịch vụ xây dựng với bà Trương Thị P, ông Chung Văn C.

Buộc bà Trương Thị P, ông Chung Văn C liên đới trả cho ông Võ Văn T số tiền còn nợ là 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, khoản tiền trên hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

4. Về án phí: Bà P, ông C liên đới chịu án phí là 5.000.000 đồng. Trả lại cho ông Võ Văn T tiền tạm ứng án phí 2.500.000 đồng theo biên lai số 0013719 ngày 05/11/2024 của Cơ quan thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Tiền Giang (cũ).

5. Án sơ thẩm, đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự**.**

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 7, tỉnh Tây Ninh;
- Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh;
- Đương sự;
- Lưu./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thanh Vân